

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Vũ Ngọc Tiến;
2. Bà Đỗ Thị A.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lâm Hưng P, sinh năm: 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 302 Lô E Chung cư Lê Thị Riêng, Phường A, Quận B, Thành phố H.

- ***Bị đơn:*** Bà Hầu Thị Bích T, sinh năm: 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 302 Lô E Chung cư Lê Thị Riêng, Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2022, trong quá trình tố tụng và tại bản tự khai nguyên đơn ông Lâm Hưng P trình bày:

Ông Lâm Hưng P và bà Hầu Thị Bích T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận S, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 030/95, ngày 08 tháng 8 năm 1995.

Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng do vợ chồng không hợp nhau về cách sống và quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm nhau nên tháng 3 năm

2022 vợ chồng đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên đã rút đơn yêu cầu để hàn gắn hạnh phúc gia đình cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lâm Nhật H, sinh ngày 19/10/1999 (đã thành niên) và Lâm Nhật T, sinh ngày 03/12/2007. Ông P xin được nuôi con chung tên Lâm Nhật Toàn, sinh ngày 03/12/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lâm Hưng P khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lâm Hưng P khai không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Hấu Thị Bích T có bản tự khai nộp tòa: Bà và ông P đã chung sống với nhau, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Hai bên có tính cách khác nhau nên thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, bà Thùy không đồng ý ly hôn với ông P để giữ gia đình, nhưng nếu ông P muốn ly hôn thì xin tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lâm Nhật H, sinh ngày 19/10/1999 (đã thành niên) và Lâm Nhật T, sinh ngày 03/12/2007. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn thì bà đồng ý để ông P nuôi con chung tên Lâm Nhật Toàn, sinh ngày 03/12/2007 về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Bà Hấu Thị Bích T khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hấu Thị Bích T khai không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 030/95, quyền số 01, ngày 08 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận S, Thành phố H, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hấu Thị Bích T và ông Lâm Hưng P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông P yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Hấu Thị Bích T hiện đang cư trú tại địa chỉ 302 Lô E Chung cư Lê Thị Riêng, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông Lâm Hưng P và bị đơn bà Hấu Thị Bích T là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lâm Hưng P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông P trình bày: Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng do vợ chồng không hợp nhau về cách sống và quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm nhau nên tháng 3 năm 2022 hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên đã rút đơn yêu cầu để hàn gắn hạnh phúc gia đình, đến nay vẫn không hàn gắn được.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lâm Hưng P yêu cầu ly hôn bà Hấu Thị Bích T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Xét yêu cầu của ông P xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Lâm Nhật Huy, sinh ngày 03/12/2007 mong muốn được ở với cha cũng như hiện tại trẻ đang được ông P chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Lâm Nhật Huy cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và nguyện vọng của trẻ nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Ông Lâm Hưng P khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu toà án giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Ông Lâm Hưng P khai không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lâm Hưng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Lâm Hưng P được ly hôn bà Hấu Thị Bích T.

Về con chung: Giao trẻ Lâm Nhật Huy, sinh ngày 03/12/2007 cho ông Lâm Hưng P trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hầu Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Ông Lâm Hưng P khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lâm Hưng P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Lâm Hưng P chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0018996 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lâm Hưng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.3, Q.10, TP.HCM
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn